

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 21/01/2021.

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.

2. Bà Huỳnh Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mộng T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre; Nơi tạm trú: Số 12 đường N19, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh **Ngô Thanh S**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị Mộng T yêu cầu:

Chị T và anh Ngô Thanh S tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã N vào năm 2012. sau khi kết hôn chị T về chung sống với gia đình anh S tại Thôn 1, xã N, huyện T. Thời gian chung sống với nhau giữa chị T và anh S có sự khác biệt về lối sống, tính cách và suy nghĩ nên cả hai thường xuyên xảy ra

xung đột cãi vã. Trong lúc mâu thuẫn thì anh S có xúc phạm, đánh đập chị T. Sự việc xảy ra trong thời gian dài nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ đó nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hòa thuận với nhau được nên vào khoảng năm 2018 chị T đã đi nơi khác làm ăn sinh sống. Từ năm 2018 đến nay chị T và anh S sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện nay không còn tình cảm nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T và anh S có một người con chung tên là Ngô Thanh H, sinh năm 2011. Thời gian sống ly thân cháu H do anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi giải quyết ly hôn, chị T tôn trọng nguyện vọng của con và đồng ý giao cháu H cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không có tranh chấp về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn chị T cung cấp bao gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh; chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mộng T và sổ hộ khẩu (phô tô, chứng thực).

Bị đơn - anh Ngô Thanh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh S và chị Trần Thị Mộng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Thời gian chung sống với nhau nhưng giữa anh S và chị T có sự khác biệt về lối sống, tính cách và suy nghĩ nên cả hai thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng, từ năm 2018 thì vợ chồng tự sống ly thân, sau đó không còn quan tâm liên lạc với nhau và không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm để quay về chung sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hòa giải đoàn tụ quay về chung sống nên anh S chấp nhận ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh S và chị T có một người tên là Ngô Thanh H, sinh năm 2011. Thời gian sống ly thân, con chung do anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Con có nơi sinh sống ổn định tại Thôn 1, xã N, đang học tập và phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Khi giải quyết ly hôn thì anh S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên. Hiện nay anh S có công việc thu nhập ổn định nên có điều kiện tốt để chăm sóc nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền về việc giải quyết ly hôn, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông

báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng vụ án giải quyết đúng thời hạn theo quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Áp dụng dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh S.

+ Về con chung: Giao cho anh Ngô Thanh S có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Ngô Thanh H, sinh năm 2011 cho đến khi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom chăm sóc con, anh S không được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mộng T:*

Chị T và anh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã N năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau không hạnh phúc mà xảy ra mâu thuẫn rồi sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh S vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương đối với anh S do trong thời chung sống đã xảy ra bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh S thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng bất đồng trong tình cảm và lối sống nên cả hai sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Cả chị T và anh S đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm,

không thể hàn gắn đoàn tụ và đều có đơn từ chối tham gia hòa giải và xét xử vắng mặt. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: Giữa chị T và anh S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặt khác hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng từ cả hai phía, trong khi đó bản thân chị T và anh S đều xác định đã không còn tình cảm và không mong muốn tiếp tục chung sống với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn với anh S, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh S có một người con chung tên Ngô Thanh H, sinh năm 2011. Cháu H đang do anh S chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay đang học tập, sinh sống ổn định tại Thôn 1, xã N, huyện T. Chị T và anh S đã thống nhất với nhau về việc tiếp tục giao cháu Hải cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Sự thỏa thuận nuôi con giữa chị T và anh S phù hợp với nguyện vọng của cháu H là muốn sống cùng với anh S. Nên cần tiếp tục giao cho anh S có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thanh H, sinh năm 2011 cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S đều không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Trần Thị Mộng T.

1. *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Mộng T được ly hôn với anh Ngô Thanh S.

2. *Về con chung:* Anh Ngô Thanh S có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Ngô Thanh H, sinh năm 2011 cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị Mộng T không phải cấp dưỡng

tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản. Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N.0004403, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí